

Hưng Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (6 tháng đầu năm 2013)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty cổ phần Thép Việt Ý
- Địa chỉ: KCN Phố Nối A – X.Giai Phạm – H.Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 03213.942427 Fax: 03213. 942226
- Vốn điều lệ: 492.202.620.000 đồng
- Mã chứng khoán: VIS

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (6 tháng/năm 2013):

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Văn Thạnh	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	
4	Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	
5	Ông Trần Quang Đường	Ủy viên HĐQT	2/2	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Trong 6 tháng đầu năm 2013 Hội đồng quản trị (HĐQT) thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với Ban giám đốc. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc được thực hiện qua báo cáo của Ban Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao, giám sát và hỗ trợ việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bên cạnh đó HĐQT chỉ đạo Ban giám đốc tiến hành công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2013, công tác lập đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2013-2015 theo đúng điều lệ Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT mà cử thành viên HĐQT độc lập phụ trách riêng các lĩnh vực lương thưởng, nhân sự.

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01CT/NQ-HĐQT	04/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
2	02CT/NQ-HĐQT	04/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
3	03CT/NQ-HĐQT	15/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
4	04CT/NQ-HĐQT	15/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
5	05CT/NQ-HĐQT	17/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
6	06CT/NQ-HĐQT	21/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
7	07CT/NQ-HĐQT	21/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
8	08CT/NQ-HĐQT	21/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
9	09CT/NQ-HĐQT	22/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
10	10CT/NQ-HĐQT	22/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
11	11CT/NQ-HĐQT	22/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
12	12CT/NQ-HĐQT	08/01/13	Mua phôi phục vụ sản xuất
13	12bCT/NQ-HĐQT	22/01/13	Mua phôi phục vụ sản xuất
14	13CT/NQ-HĐQT	24/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
15	14CT/NQ-HĐQT	24/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
16	15CT/NQ-HĐQT	24/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
17	16CT/NQ-HĐQT	29/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
18	17CT/NQ-HĐQT	29/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
19	18CT/NQ-HĐQT	29/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất

20	19CT/NQ-HĐQT	29/01/13	Mua phế phục vụ sản xuất
21	20CT/NQ-HĐQT	30/01/13	Thưởng Tết Âm lịch cho CBCNV
22	21aCT/NQ-HĐQT	01/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
23	21CT/NQ-HĐQT	20/02/13	Điều chỉnh tiền lương cho cán bộ quản lý
24	22CT/NQ-HĐQT	01/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
25	23CT/NQ-HĐQT	01/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
26	24CT/NQ-HĐQT	01/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
27	25CT/NQ-HĐQT	01/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
28	26CT/NQ-HĐQT	04/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
29	27CT/NQ-HĐQT	04/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
30	27bCT/NQ-HĐQT	20/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
31	28CT/NQ-HĐQT	20/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
32	29CT/NQ-HĐQT	20/02/13	Thông qua đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2013 - 2015
33	30CT/NQ-HĐQT	25/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
34	31CT/NQ-HĐQT	25/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
35	32CT/NQ-HĐQT	25/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
36	33CT/NQ-HĐQT	27/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
37	34CT/NQ-HĐQT	27/02/13	Mua phế phục vụ sản xuất
38	35CT/NQ-HĐQT	05/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
39	36CT/NQ-HĐQT	05/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
40	37CT/NQ-HĐQT	07/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
41	38CT/NQ-HĐQT	07/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
42	39CT/NQ-HĐQT	14/03/13	Thanh lý xe ô tô Lexus
43	40CT/NQ-HĐQT	19/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
44	41CT/NQ-HĐQT	21/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
45	42CT/NQ-HĐQT	21/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất

46	43CT/NQ-HĐQT	21/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
47	44CT/NQ-HĐQT	21/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
48	45CT/NQ-HĐQT	22/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
49	46CT/NQ-HĐQT	22/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
50	47CT/NQ-HĐQT	26/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
51	48CT/NQ-HĐQT	26/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
52	48bCT/NQ-HĐQT	26/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
53	49CT/NQ-HĐQT	27/03/13	Mua phế phục vụ sản xuất
54	50CT/NQ-HĐQT	01/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
55	51CT/NQ-HĐQT	01/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
56	52CT/NQ-HĐQT	01/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
57	53CT/NQ-HĐQT	03/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
58	54CT/NQ-HĐQT	03/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
59	55CT/NQ-HĐQT	03/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
60	56CT/NQ-HĐQT	08/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
61	57CT/NQ-HĐQT	08/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
62	58CT/NQ-HĐQT	08/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
63	59CT/NQ-HĐQT	13/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
64	60CT/NQ-HĐQT	13/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
65	61CT/NQ-HĐQT	17/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
66	62CT/NQ-HĐQT	17/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
67	63CT/NQ-HĐQT	18/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
68	64CT/NQ-HĐQT	22/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
69	65CT/NQ-HĐQT	23/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
70	66CT/NQ-HĐQT	25/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
71	67CT/NQ-HĐQT	25/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất

72	68CT/NQ-HĐQT	25/04/13	Mua phế phục vụ sản xuất
73	69CT/NQ-HĐQT	08/04/13	Mua phôi phục vụ sản xuất
74	70CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
75	71CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
76	72CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
77	73CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Thanh lý cần trục bánh lốp
78	74CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
79	75CT/NQ-HĐQT	06/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
80	76CT/NQ-HĐQT	25/04/13	Bán 5.000 tấn phôi thép Q235
81	77CT/NQ-HĐQT	10/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
82	78CT/NQ-HĐQT	10/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
83	79CT/NQ-HĐQT	13/05/13	Phê duyệt quy chế quản trị Công ty
84	80CT/NQ-HĐQT	15/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
85	81CT/NQ-HĐQT	13/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
86	82CT/NQ-HĐQT	15/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
87	83CT/NQ-HĐQT	21/05/13	Bán lô phôi kém chất lượng và phôi ngắn dài
88	84CT/NQ-HĐQT	22/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
89	85CT/NQ-HĐQT	22/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
90	86CT/NQ-HĐQT	22/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
91	87CT/NQ-HĐQT	22/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
92	88CT/NQ-HĐQT	24/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
93	89CT/NQ-HĐQT	28/05/13	Mua phế phục vụ sản xuất
94	90CT/NQ-HĐQT	06/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
95	91CT/NQ-HĐQT	10/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
96	92CT/NQ-HĐQT	14/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
97	93CT/NQ-HĐQT	14/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất

98	94CT/NQ-HĐQT	14/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
99	95CT/NQ-HĐQT	21/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
100	96CT/NQ-HĐQT	21/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
101	97CT/NQ-HĐQT	21/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
102	98CT/NQ-HĐQT	26/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
103	99CT/NQ-HĐQT	26/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
104	100CT/NQ-HĐQT	26/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất
105	101CT/NQ-HĐQT	27/06/13	Mua phế phục vụ sản xuất

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán: Không có.

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

(Phụ lục 01 đính kèm báo cáo)

2. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trần Ngọc Anh – TV.HĐQT/Phó TGĐ		87.690	0,18	0	0	Bán
2	Nguyễn Minh Phúc – TV BKS		14.977	0,03	5.007	0,01	Bán

3. Các giao dịch khác: Không có phát sinh.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có phát sinh.

Nơi nhân:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT

Phụ lục 01: Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan
(Kèm theo Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 2013)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKĐ	Ngày cấp CMND/ĐKKĐ	Nơi cấp CMND/ĐKKĐ	Địa chỉ	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)	Ghi chú
A	TCT Sông Đà: Người đại diện phần vốn								26,106,297	53.04	
1	Trần Văn Thạnh		Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ						8,500,000	17.27	
2	Nguyễn Ngọc Thịnh		Ủy viên HĐQT						5,000,000	10.16	
3	Trần Ngọc Anh		Ủy viên HĐQT						5,000,000	10.16	
4	Trần Quang Đường		Ủy viên HĐQT						5,000,000	10.16	
5	Nguyễn Văn Phúc		Trưởng BKS						2,606,297	5.3	

B	Hội đồng quản trị								192,557	0.39	
1	Trần Văn Thạnh		Chủ tịch HĐQT kiêm TGD						121,372	0.25	
1.1	Ngô Bích Hiền							Vợ	0		
1.2	Trần Thuỳ Dung							Con gái	0		
1.3	Trần Văn Thành							Anh traí	0		
1.4	Trần Thị Nga							Em gái	0		
2	Nguyễn Ngọc Thịnh		Ủy viên HĐQT						62,022	0.13	
2.1	Đào Thị Ngọc Oanh							Vợ	0		
2.2	Nguyễn Minh Ngọc							Con đẻ	0		
2.3	Nguyễn Minh Châu							Con đẻ	0		
2.4	Nguyễn Thị Kim Chung							Chị gái	0		
2.5	Nguyễn Ngọc Vượng							Em traí	0		
2.6	Nguyễn Thị Kim Thoa							Em gái	0		
2.7	Nguyễn Ngọc Thi							Em traí	0		

3	Nguyễn Hoàng Ngân		Ủy viên HĐQT/Kế toán trưởng/Người i UQ CBTT						0		
3.1	Nguyễn Công Ngu							Bố đẻ	0		
3.2	Vũ Thị Len							Mẹ đẻ	0		
3.3	Nguyễn Thị Bích Thủy							Vợ	0		
3.4	Nguyễn Thị Thu Vân							Chị gái	0		
3.5	Nguyễn Thị Thu Hà							Em gái	0		
4	Trần Ngọc Anh		Ủy viên HĐQT/ Phó TGD						0		
4.1	Nguyễn Thị Gái							Mẹ đẻ	0		
4.2	Lê Thị Hải Yến							Vợ	0		
4.3	Trần Thị Loan							Chị	0		
4.4	Trần Thị Liên							Chị	0		
4.5	Trần Văn Long							Anh trai	0		
4.6	Trần Văn Thành							Anh trai	0		

4.7	Trần Văn Hùng							Anh trai	0		
4.8	Trần Thị Vân							Chị gái	0		
5	Trần Quang Đường		Ủy viên HDQT						9,163	0.02	
5.1	Bùi Thị Dung							Vợ	0		
5.2	Trần Quang Đức							Con trai	0		
5.3	Trần Quang Nam							Con trai	0		
5.4	Trần Thị Châu							Em gái	0		
5.5	Trần Văn Nhã							Em trai	0		
5.6	Trần Văn Bằng							Em trai	0		
5.7	Trần Văn Trà							Em trai	0		
5.8	Trần Văn Sơn							Em trai	0		
C	Ban giám đốc								500	0.00	
1	Ngô Xuân Toàn		Phó TGD						0		
1.1	Ngô Xuân Phúc							Cha đẻ	0		
1.2	Trần Thị Từ							Mẹ đẻ	0		

1.3	Ngô Thị Ngọc							Em gái	0		
1.4	Ngô Xuân Hoá		Nhân viên					Em trai	0		
1.5	Ngô Thị Trâm							Em gái	0		
1.6	Ngô Thị Kỳ							Em gái	0		
1.7	Ngô Thị Thư							Em gái	0		
1.8	Ngô Thị Hương							Em gái	0		
1.9	Nguyễn Thị Hồng Lạc							Vợ	0		
1.1 0	Ngô Thị Phương Thảo							Con gái	0		
1.1 1	Ngô Thị Thái Trinh							Con gái	0		
2	Phạm Mạnh Cường		Phó TGD						500	0.00	
2.1	Phạm Thị Lý							Mẹ đẻ	0		
2.2	Đặng Thị Kim Cúc		Nhân viên					Vợ	0		
2.3	Phạm Thanh Mai							Chị	0		
2.4	Phạm Kim Tuyền							Em	0		
2.5	Phạm Hồng Việt							Em	0		

2.6	Phạm Thành Đô		Công nhân					Em	0		
3	Phạm Quang Vinh		Phó TGD						0		
3.1	Nguyễn Thị Thu Hương		Trưởng phòng KTKH					Vợ	0		
3.2	Phạm Sinh Nhỡ							Bố đẻ	0		
3.3	Nguyễn Thị Nờ							Mẹ đẻ	0		
3.4	Phạm Thị Thu Hương							Em gái	0		
3.5	Phạm Thanh Sơn							Em trai	0		
3.6	Phạm Xuân Dương							Em trai	0		
D	Ban kiểm soát								5,007	0.01	
1	Nguyễn Văn Phúc		Trưởng BKS						0		
1.1	Lưu Thị Hồng Nhung							Vợ	0		
1.2	Nguyễn Thị Hường							Chị ruột	0		
1.3	Nguyễn Hữu Chuyên							Anh ruột	0		
1.4	Nguyễn Thị Hằng							Chị ruột	0		
1.5	Nguyễn Bá Quyết							Anh ruột	0		

1.6	Nguyễn Thị Thoa							Chị ruột	0		
2	Phạm Thái Hà		TV BKS						0		
2.1	Phạm Hữu Túy							Bố đẻ	0		
2.2	Bùi Thị Nhiên							Vợ	0		
2.3	Phạm Quốc Nam							Em traí	0		
2.4	Phạm Việt Hùng							Em traí	0		
2.5	Phạm Thị Ngọc Anh							Em gái	0		
3	Nguyễn Minh Phúc		TV BKS/Trưởng phòng PR						5,007	0.01	
3.1	Nguyễn An Ninh							Bố đẻ	0		
3.2	Đặng Thị Phát							Mẹ đẻ	0		
3.3	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh							Chị gái	0		
3.4	Nguyễn Văn Sơn							Chồng	0		